

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/DS-ST

Ngày 11-10-2024

*“Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Giang Phước Thành**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Tấn Kiệt**

2. Ông **Dương Sơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhi** là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã BA, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1969. Có mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã KB, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đào Công Th, sinh ngày 01/01/1968. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã KB, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Vào ngày 01/12/2022 ông Nguyễn Thành T có cho bà Huỳnh Thị Ngọc N

vay số tiền 35.000.000 đồng (Khi vay không có thoả thuận lãi) bằng hình thức đưa tiền mặt để lo việc gia đình, bà N cam kết sau 03 tháng kể từ ngày vay tiền sẽ trả, tuy nhiên qua nhiều lần yêu cầu bà N không trả thì đến ngày 26/6/2023 ông và bà N có lập biên bản làm việc, bà N hứa đến ngày 26/8/2023 sẽ trả nợ cho ông, tuy nhiên đến nay bà Huỳnh Thị Ngọc N vẫn không thanh toán tiền cho ông.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu bà N trả số tiền 35.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2022 cho đến ngày xét xử, tại phiên toà ông T thừa nhận bà N có trả 7.000.000 đồng nên ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà N trả nợ gốc là 28.000.000 đồng về phần lãi, ông T yêu cầu tính lãi trên số tiền 35.000.000 đồng từ ngày 26/6/2023 cho đến ngày 26/4/2024, yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 28.000.000 đồng từ ngày 27/4/2024 đến ngày xét xử. Ông T không yêu cầu ông Đào Công Th cùng trả nợ với bà N.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc N trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Thành T ban đầu là 30.000.000 đồng thoả thuận lãi 50.000 đồng/1 triệu/tháng, sau khi vay bà có đóng lãi nhiều lần mỗi lần khoản 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tuy nhiên bà không có gì chứng minh việc đóng lãi này nên bà không yêu cầu gì về tiền lãi đã đóng. Bà thừa nhận ngày 26/6/2023 bà có làm biên nhận lại với ông T trên số tiền 35.000.000 đồng, sau đó con bà có trả cho ông T 7.000.000 đồng nhưng bà không nhớ trả thời gian nào. Nay bà thống nhất còn nợ ông T số tiền 28.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền nợ gốc nhưng hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần chia làm 02 lần mỗi lần 5 tháng. Còn về phần lãi suất bà xin không trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Công Th trình bày:

Việc vợ ông là bà Huỳnh Thị Ngọc N vay tiền của ông Nguyễn Thành T ông hoàn toàn không biết, nên không liên quan gì đến ông.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đúng trình tự theo quy định.

Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Giao dịch được điều chỉnh tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Đào Công Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T:

Đối với yêu cầu số nợ gốc số tiền 35.000.000 đồng: Ông Nguyễn Thành T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc N trả số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng, ông T có cung cấp chứng cứ là Biên bản làm việc ngày 26/6/2023 nội dung thể hiện việc bà N có vay tiền của ông T vào ngày 01/12/2022, ông T thừa nhận bà N có trả 7.000.000 đồng vào ngày 26/4/2024. Ông T và bà N đều thống nhất đến nay bà N còn nợ ông T số tiền 28.000.000 đồng. Vì vậy việc ông T yêu cầu bà N trả số tiền 28.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Việc bà N trình bày bà có đóng lãi cho ông T nhiều lần nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh và không có yêu cầu gì về phần lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lãi suất: Ông T yêu cầu tính lãi trên số tiền 35.000.000 đồng từ ngày 26/6/2023 cho đến ngày 26/4/2024, yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 28.000.000 đồng từ ngày 27/4/2024 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả, các đương sự không có thỏa thuận về mức lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất là 10%/năm, lãi suất từ ngày 26/6/2023 đến ngày 26/4/2024 là 10 tháng trên số tiền 35.000.000 đồng lãi suất được tính là: 2.916.666 đồng, lãi suất từ ngày 27/4/2024 đến ngày 11/10/2024 là 05 tháng 15 ngày trên số tiền 28.000.000 đồng lãi suất được tính là 1.283.332 đồng. Tổng lãi là: 2.916.666 đồng + 1.283.332 đồng = 4.199.998 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc N phải trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền nợ gốc là 28.000.000 đồng và lãi là 4.199.998 đồng, tổng cộng: 32.199.998 đồng.

[4] Xét việc bà N xin trả dần Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì phía nguyên đơn không thống nhất và việc xem xét thời gian, điều kiện Thi hành

án là thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Huỳnh Thị Ngọc N bị buộc trả số tiền phải chịu án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng theo biên lai số 0004041 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T.

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc N phải trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền nợ gốc là 28.000.000 đồng và lãi là 4.199.998 đồng, tổng cộng: 32.199.998 đ (Ba mươi hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Ngọc N phải trả số tiền án phí sơ thẩm là 1.609.999đ (Một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đ (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004041 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đào Công Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA DS huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Giang Phước Thành